| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **79**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Dương Trần Trọng Quang.**

2. Bà **Lê Thị Vân.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**T**rong ngày **23** tháng **7** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Đặng Hoàng K**, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã TP, huyện CL, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Hoàng K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T sống chung từ năm 1989, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại ấp TH, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2017 thì chuyển về sinh sống tại ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang đến nay. Năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong chuyện làm ăn, tiền bạc nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà Thảo bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay.

Nay ông Đặng Hoàng K yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Hoàng K yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T

- Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Hoàng O, sinh năm 1990 và Đặng Hoàng K, sinh năm 1999, đã thành niên.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà thống nhất lời trình bày của ông Đặng Hoàng K thời gian vợ chồng sống chung và về việc vợ chồng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Đặng Hoàng K.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Hoàng O, sinh năm 1990 và Đặng Hoàng K, sinh năm 1999, đã thành niên.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời gian 02 năm (từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên quan hệ giữa ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Hoàng O, sinh năm 1990 và Đặng Hoàng K, sinh năm 1999, đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Đặng Hoàng K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân

tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Xử**:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Hoàng K và bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Hoàng O, sinh năm 1990 và Đặng Hoàng K, sinh năm 1999, đã thành niên.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Ông Đặng Hoàng K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16870 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Lê Thị Hồng Tâm**